

Số: 122/SZB

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình
- Mã chứng khoán: SZB
- Địa chỉ: Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: 0251 3834 700 Fax: 0251 3835 164
- E-mail: [marketing@szb.com.vn](mailto:marketing@szb.com.vn)
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lương Minh Hiền - Tổng Giám đốc
- Loại thông tin công bố:
  - ☐ Định kỳ
  - ☐ Bất thường
  - ☒ 24h
  - ☐ Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công bố thông tin về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/3/2020 tại đường dẫn: [www.szb.com.vn](http://www.szb.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Thông báo số 121/TB-SZB ngày 25/03/2020 về thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
- Giấy xác nhận số 20773/20 ngày 25/03/2020 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lương Minh Hiền



Số: 121/TB-SZB

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 20773/20 ngày 25/3/2020, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty chúng tôi như sau:

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình
- Mã chứng khoán: SZB
- Địa chỉ: Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: 0251 3834 700 Fax: 0251 3835 164
- E-mail: [marketing@szb.com.vn](mailto:marketing@szb.com.vn)

**1. Thông tin trước khi thay đổi:**

| STT | Ngành nghề kinh doanh                                                                 | Mã ngành        |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                             | 4210<br>(Chính) |
|     | Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                |                 |
| 2   | Xây dựng nhà các loại                                                                 | 4100            |
| 3   | Xây dựng công trình công ích                                                          | 4220            |
| 4   | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                            | 4290            |
| 5   | Phá dỡ                                                                                | 4311            |
| 6   | Chuẩn bị mặt bằng                                                                     | 4312            |
| 7   | Lắp đặt hệ thống điện                                                                 | 4321            |
| 8   | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí                       | 4322            |
| 9   | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                        | 4329            |
| 10  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                        | 4330            |
| 11  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                   | 4390            |
| 12  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810            |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                        |      |
| 13 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                          | 3600 |
|    | - Chi tiết: Cung cấp nước sạch                                                                                                                                                                                                                             |      |
| 14 | Vệ sinh nhà cửa và công trình khác                                                                                                                                                                                                                         | 8129 |
|    | - Chi tiết: Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan                                                                                                                                                                                     |      |
| 15 | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                             | 3811 |
|    | - Chi tiết: Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải                                                                                                                                                                                                  |      |
| 16 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                          | 3900 |
|    | - Chi tiết: Hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                               |      |
| 17 | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                     | 7710 |
| 18 | Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                         | 7730 |
| 19 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                      | 8130 |
|    | - Chi tiết: Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan                                                                                                                                                                                     |      |
| 20 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 21 | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                              | 3700 |
|    | - Chi tiết: Xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                |      |
| 22 | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                   | 3821 |
|    | - Chi tiết: Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải                                                                                                                                                                                                  |      |
| 23 | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                   | 7020 |
|    | - Chi tiết: Tư vấn đầu tư trong nước và nước ngoài (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng)                                                                                                     |      |
| 24 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                        | 7110 |
|    | - Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông đường bộ. Thiết kế công trình giao thông đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cầu công trình dân dụng và công nghiệp |      |

## 2. Thông tin sau khi thay đổi:

Thông tin ngành nghề kinh doanh của công ty theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 25/3/2020.



**3. Lý do thay đổi:**

- Bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh để đảm bảo phạm vi hoạt động của Công ty trong lĩnh vực thiết kế thi công xây dựng và giám sát thi công xây dựng công trình.
- Cập nhật mã ngành nghề kinh doanh đã đăng ký trước đây phù hợp với quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 về hệ thống ngành nghề Việt Nam.

**4. Ngày có hiệu lực: 25/3/2020.**

*\* Tài liệu đính kèm:*

- Giấy xác nhận số 20773/20 ngày 25/3/2020 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lương Minh Hiền**



Số:



\*20773/20\*

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Đồng Nai*

Địa chỉ trụ sở: *108 đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Điện thoại: *0251 885 0777*

Fax: *0251 394 1718*

Email: *dkkd.skhdtd@dongnai.gov.vn*

Website:

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: **3601867699**

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1   | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan.                                                                                                                                 | 8129        |
| 2   | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ xi mạ, gia công cơ khí)                                                                                                                                                      | 4322        |
| 3   | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                             | 7730        |
| 4   | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311        |
| 5   | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 6   | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ xi mạ, gia công cơ khí)                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 7   | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(trừ xi mạ, gia công cơ khí)                                                                                                                                                                                             | 4329        |
| 8   | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 9   | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                        | 4390        |
| 10  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014) | 6810(Chính) |





| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 11  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                       | 3600     |
| 12  | Thu gom rác thải không độc hại<br>(không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; không chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm) | 3811     |
| 13  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>(không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                  | 3900     |
| 14  | Cho thuê xe có động cơ<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710     |
| 15  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8130     |
| 16  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                          | 4933     |
| 17  | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                               | 3700     |
| 18  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(không hoạt động và chứa hàng tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại)                      | 3821     |
| 19  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định).                                                                                                                                                          | 7020     |
| 20  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4211     |
| 21  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4212     |
| 22  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                     | 7110     |
| 23  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101     |
| 24  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4102     |
| 25  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4221     |
| 26  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4222     |
| 27  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4223     |
| 28  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4229     |
| 29  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4291     |
| 30  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4292     |
| 31  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4293     |



| STT | Tên ngành                                                                                    | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 32  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                   | 4299                                                         |
| 33  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                        | 8121                                                         |
| 34  | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng những ngành nghề phù hợp trong khu công nghiệp Biên Hòa 2) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**Thông tin đăng ký thuế:**

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                                                                                 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): LƯƠNG MINH HIỀN<br>Điện thoại:                                                                                        |
| 2   | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: LÊ THỊ NGỌC SÁU<br>Điện thoại: 0917907536                                                             |
| 3   | Địa chỉ nhận thông báo thuế:<br><i>Số 1, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam</i><br>Điện thoại: 0251.3834700<br>Fax: 0251.3835164<br>Email: |
| 4   | Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>                                                                                                                                                       |
| 5   | Năm tài chính:<br><i>Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12</i>                                                                                                                                         |
| 6   | Tổng số lao động: 5                                                                                                                                                                                 |
| 7   | Phương pháp tính thuế GTGT: <i>Khấu trừ</i>                                                                                                                                                         |
| 8   | Thông tin về tài khoản ngân hàng:<br>Tài khoản ngân hàng: <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khu công nghiệp 111000013150;</i>                                                             |

**Nơi nhận:**

-CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI  
LONG BÌNH. Địa chỉ: Số 1, Đường 3A,  
KCN Biên Hòa 2, Phường Long Bình  
Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng  
Nai, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Thị Thúy Hằng.....



*Phan Huy Hoàn*